

# Chương II: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

# SỰ CHUYỂN HÓA TIỀN THÀNH TƯ BẢN

## LƯU THÔNG H GIẢN ĐƠN

- ✓ Vận động:  $H - T - H$
- ✓ Bắt đầu bằng việc bán, kết thúc bằng việc mua
- ✓ T đóng vai trò trung gian
- ✓ Mục đích là giá trị sử dụng, H phải có giá trị sử dụng khác nhau
- ✓ Sự vận động kết thúc ở giai đoạn 2 khi có được GTSD mình cần

## LƯU THÔNG H TƯ BẢN

- ✓ Vận động:  $T - H - T$
- ✓ Bắt đầu bằng việc mua, kết thúc bằng việc bán
- ✓ T vừa là điểm xuất phát, vừa là điểm kết thúc; T ứng ra rồi thu về; H là trung gian
- ✓ Mục đích là giá trị và giá trị tăng thêm  $\rightarrow$  công thức đầy đủ là  $T - H - T'$  ( $T' = T + \Delta T$ )
- ✓ Sự vận động không giới hạn

❑ Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

*Công thức  $T - H - T'$  ( $T' = T + \Delta T$ )  $\rightarrow \Delta T$ ?*

- ❖ Xét trong lưu thông, dù trao đổi ngang giá hay không cũng không tạo ra giá trị thặng dư
- ✓ Trường hợp trao đổi ngang giá: giá trị không đổi, chỉ khác về GTSD





- ✓ Trường hợp trao đổi không ngang giá: 3 tình huống xảy ra → không sinh ra giá trị mới
- Tình huống 1: Bán đắt – Mua đắt



Bán đắt

=



Mua đắt

=



- Tình huống 2: Mua rẻ - Bán rẻ



Mua rẻ  
=



Bán rẻ  
=





- Tình huống 3: Mua rẻ - bán đắt:
  - Tiền từ túi người này chuyển sang túi người kia
  - Tổng giá trị của xã hội không đổi



Mua rẻ  
=



Bán đắt  
=



## ❖ Xét ngoài lưu thông: 2 trường hợp

- ✓ Trường hợp 1: Hàng hoá để trong kho.
- ✓ Trường hợp 2: Tiền thực hiện chức năng cất trữ
- ➔ Giá trị không tăng lên

## ❑ Hàng hóa sức lao động

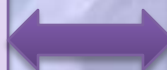
- ❖ Khái niệm: Toàn bộ thể lực, trí lực, nhân cách, hoạt động sản xuất
- ❖ Hàng hóa sức lao động chỉ xuất hiện khi:
  - ✓ Điều kiện 1: Người lao động được tự do về thân thể, có quyền bán sức lao động như một H
  - ✓ Điều kiện 2: Người lao động bị tước đoạt TLSX và sinh hoạt → phải bán sức lao động để tồn tại
- H sức lao động ra đời trong CNTB



## ❖ Hai thuộc tính của H sức lao động

### Giá trị H SLĐ

- ✓ Sức lao động là năng lực sống
- ✓ Được đo gián tiếp bằng giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết
- ✓ Bao hàm yếu tố tinh thần, lịch sử, địa lý
- ✓ Lượng giá trị:
  - Giá trị tư liệu sinh hoạt về vật chất, tinh thần cho tái SX sức lao động và gia đình
  - Phí tổn đào tạo



### Giá trị sử dụng H SLĐ

- ✓ Được dùng SX một H khác
- ✓ Tạo ra một giá trị mới > giá trị sức lao động
- ✓ Nguồn gốc sinh ra giá trị
- ✓ Điều kiện để tiền tệ chuyển hóa thành tư bản
- ✓ Chìa khóa giải thích mâu thuẫn công thức chung của tư bản

# QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

- ❑ Sự thống nhất giữa SX giá trị sử dụng và giá trị thặng dư
- ❖ Nhà TB tiêu dùng sức lao động
- ❖ Tiêu dùng TLSX → công nhân dưới sự kiểm soát của nhà tư bản → Sản phẩm làm ra thuộc sở hữu của nhà tư bản:

Chi phí sản xuất	Giá trị sản phẩm mới (20kg sợi)
<ul style="list-style-type: none"><li>• Tiền mua bông (20kg): 20\$</li><li>• Khấu hao máy móc: 4\$</li><li>• Tiền mua sức lao động trong 1 ngày: 3\$</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Giá trị của bông chuyển vào sợi: 20\$</li><li>• Giá trị của máy móc chuyển vào sợi: 4\$</li><li>• Giá trị mới do lao động của công nhân tạo ra trong 12h: 6\$</li></ul>
<b>Tổng cộng: 27 \$</b>	<b>Tổng cộng: 30 \$</b>

- (m): giá trị dôi ra ngoài giá trị SLD do công nhân làm thuê tạo ra
- Ngày lao động chia làm 2 phần: phần thời gian lao động tất yếu và phần thời gian lao động thặng dư.

❑ Khái niệm tư bản, tư bản bất biến (C) và tư bản khả biến (V)

❖ Khái niệm tư bản:

✓ Giá trị mang lại giá trị thặng dư (m)

✓ Bằng phương pháp bóc lột lao động không công

➔ Biểu hiện QHSX TBCN

❖ Tư bản bất biến:

✓ Bộ phận tư bản biến thành TLSX

✓ Giá trị được bảo toàn chuyển vào sản phẩm

❖ Tư bản khả biến:

✓ Bộ phận tư bản biến thành SLĐ

✓ Thông qua lao động trừu tượng

✓ Biến đổi về lượng



□ Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư

❖ Tỷ suất giá trị thặng dư ( $m'$ )

✓ Tỷ số % giữa  $m$  và  $V$

✓ Công thức (1)  $m' = \frac{m}{V} \times 100\%$

✓ Công thức (2)  $m' = \frac{t' \text{ (thời gian LĐ thặng dư)}}{t \text{ (thời gian LĐ tất yếu)}} \times 100\%$

➔  $m'$  chỉ trình độ bóc lột  $m$

❖ Khối lượng giá trị thặng dư ( $M$ ):  $M = m' \times V$

➔  $M$  chỉ qui mô bóc lột  $m$

❑ Hai phương pháp SX m và giá trị thặng dư siêu ngạch

❖ SX giá trị thặng dư tuyệt đối

✓ Do kéo dài t của ngày lao động

✓ t tất yếu không đổi, t động thặng dư tăng lên tương ứng

✓ Giả sử ngày lao động 8h: 4h tất yếu, 4h thặng dư:



$$m' = 4/4 \times 100\% = 100\%$$

✓ Giả sử kéo dài ngày lao động thêm 2h, t tất yếu không đổi:



$$m' = 6/4 \times 100\% = 150\%$$

- ❖ SX giá trị thặng dư tương đối
- ✓ Được tạo ra do rút ngắn t tất yếu
- ✓ Nâng cao năng suất lao động XH
- ✓ Tăng t thặng dư trong điều kiện độ dài ngày lao động không đổi
- ✓ Giả sử ngày lao động 8h: 4h tất yếu, 4h thặng dư:



$$m' = 4/4 \times 100\% = 100\%$$

- ✓ Giả sử t tất yếu = 3h, t thặng dư = 5h:



$$m' = 5/3 \times 100\% = 166\%$$



- ❖ SX giá trị thặng dư siêu ngạch
- ✓ Phần giá trị thặng dư thu được do tăng năng suất lao động cá biệt
- ✓ Giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường
- ✓ Là hiện tượng tạm thời
- ✓ Khát vọng của các nhà tư bản
- ✓ Động lực thúc đẩy cải tiến kĩ thuật
- ✓ Là hình thức biến tướng của m tương đối



- ❑ SX m – Quy luật kinh tế tuyệt đối của CNTB
- ❖ Ra đời, tồn tại, phát triển gắn với CNTB
- ❖ Phản ánh quy luật kinh tế bản chất nhất của CNTB
- ❖ Vạch rõ phương tiện, thủ đoạn của các nhà tư bản
- ❖ Cơ sở tồn tại, phát triển của CNTB
- ❖ Động lực vận động, phát triển
- ❖ Mâu thuẫn trong XH ngày càng sâu sắc
- ❖ Đặc điểm mới:
  - ✓ M thu được nhờ tăng năng suất lao động và công nghệ hiện đại
  - ✓ Lao động trí tuệ tăng lên
  - ✓ Bóc lột trên phạm vi quốc tế được mở rộng nhờ trao đổi không ngang giá và lợi nhuận siêu ngạch

# TIỀN CÔNG TRONG CNTB

❑ Bản chất của tiền công trong CNTB

❖ Hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị sức lao động

❖ Được biểu hiện ra bề ngoài thành giá cả của lao động

❖ Tiền công che dấu sự phân chia ngày lao động thành:

✓ Thời gian tất yếu và thặng dư

✓ Lao động được trả công và không được trả công

➔ Che dấu bản chất bóc lột của CNTB



❑ Hai hình thức cơ bản của tiền công:

- ❖ Tiền công theo thời gian
- ❖ Tiền công theo sản phẩm

❖ Đơn giá tiền công =

Tiền công trung bình 1 ngày

Sp trung bình 1 ngày

❑ Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế

- ❖ Tiền công danh nghĩa: số tiền công nhân nhận được do bán sức lao động
- ❖ Tiền công thực tế biểu hiện bằng:

số lượng hàng hóa  
tiêu dùng

+

dịch vụ công nhân mua bằng  
tiền công danh nghĩa

# Nhu cầu về sức lao động chất lượng cao



↑  
THẤT NGHIỆP Ở MỸ



←  
NGUỒN NHÂN LỰC  
CHẤT LƯỢNG CAO

# SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN – TÍCH LŨY TƯ BẢN

## ❑ Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản

### TÁI SẢN XUẤT GIẢN ĐƠN

- ✓ Qui mô lặp lại như cũ
- ✓ Thường gắn và đặc trưng của nền SX nhỏ
- ✓ Sự dụng toàn bộ m cho tiêu dùng cá nhân
- ✓ Ví dụ: Năm thứ nhất qui mô SX:  $80c + 20v + 20m$   
Năm thứ hai lặp lại như cũ

### TÁI SẢN XUẤT MỞ RỘNG

- ✓ Qui mô lớn hơn trước
- ✓ Thường gắn và đặc trưng của nền SX lớn
- ✓ Biến 1 phần m thành T phụ thêm
- ✓ Ví dụ: Năm thứ nhất qui mô SX:  $80c + 20v + 20m$ ; dùng 10m vào tái sản xuất  
Năm thứ hai:  $88c + 22v + 22m$

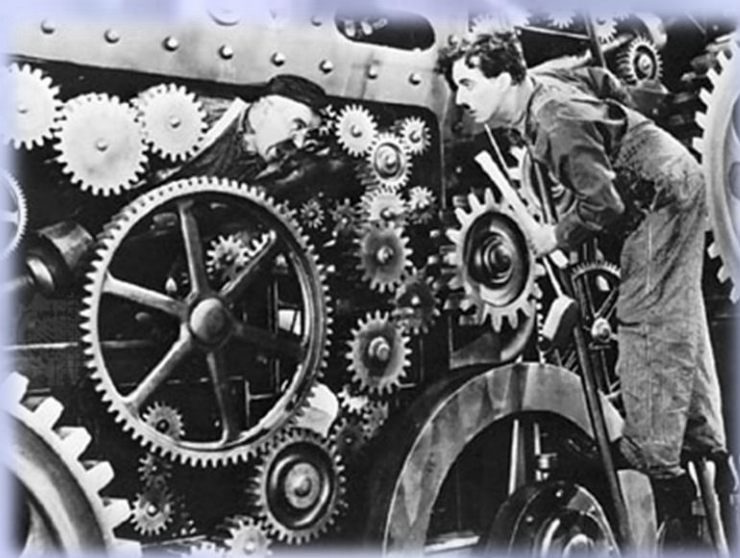
## ❖ Thực chất của tích lũy T:

Chuyển hóa 1 phần m thành T ➔ Quá trình tư bản hóa m



## ❖ Động cơ của tích lũy T

- ✓ “T ừng trước chỉ là 1 giọt nước trong dòng sông của tích lũy” (C.Mác)
- ✓ Trong tái SX mở rộng, lãi (m) đập vào vốn → vốn càng lớn → lãi càng cao
- ✓ Lao động của công nhân trong quá khứ = phương tiện bóc lột chính công nhân





## ❑ Tích tụ và tập trung tư bản

### ❖ Tích tụ tư bản

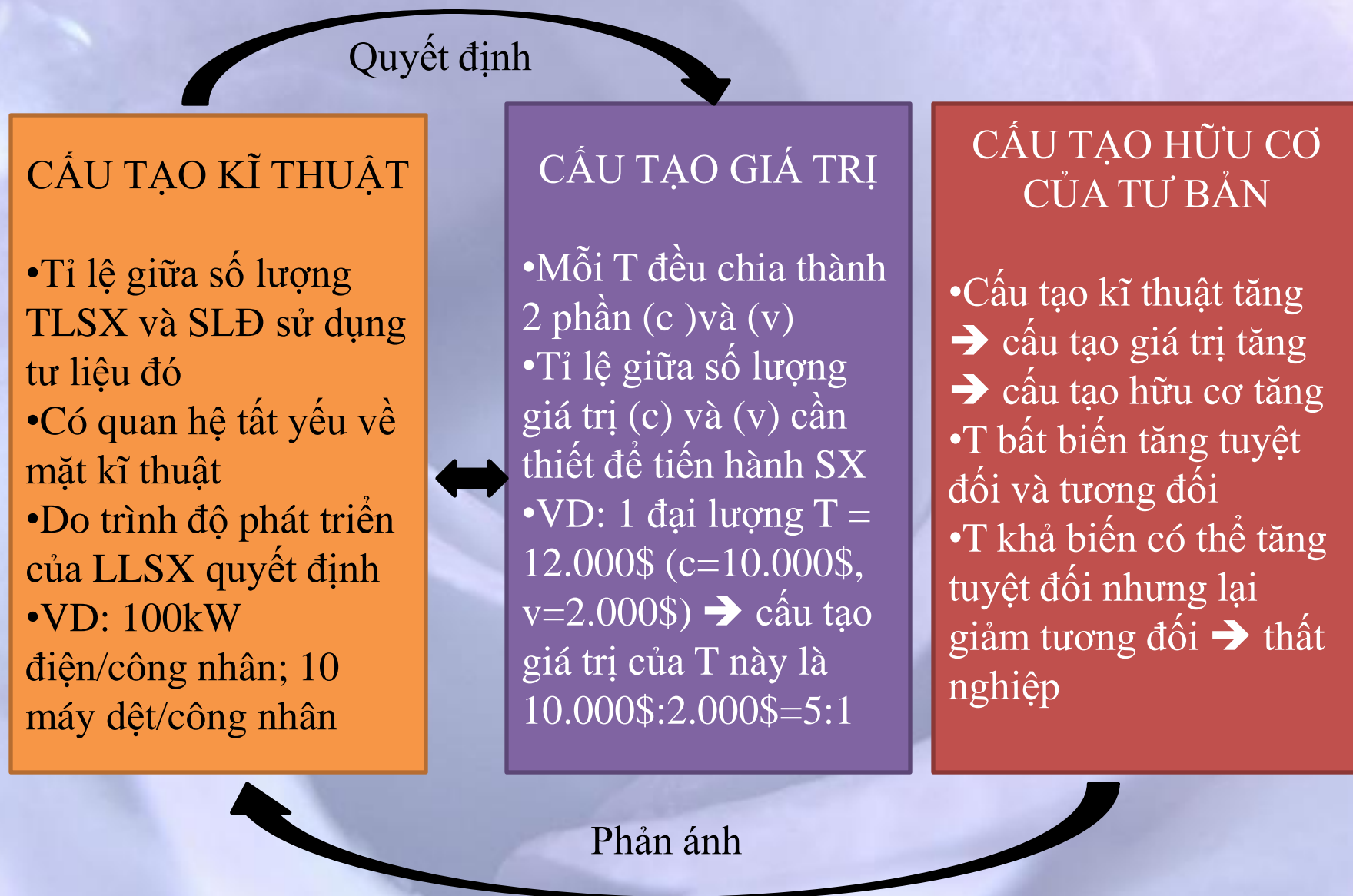
- ✓ Tăng thêm qui mô của T cá biệt bằng cách tư bản hóa m
- ✓ Kết quả trực tiếp của tư hữu tư bản
- ✓ Nguyên nhân của tích tụ T:
- ✓ Yêu cầu của tái SX mở rộng và ứng dụng tiến bộ kĩ thuật
- ✓ M tăng lên tạo khả năng hiện thực cho tích tụ T

### ❖ Tập trung tư bản

- ✓ Tăng thêm qui mô của T cá biệt bằng cách hợp nhất những T cá biệt = 1 T lớn hơn
- ✓ Nguyên nhân của tập trung T:
- ✓ Cạnh tranh → liên kết tự nguyện hay sáp nhập T cá biệt
- ✓ Tín dụng TBCN là phương tiện tập trung T

# ❑ Cấu tạo hữu cơ của tư bản

tailieudientucntt



Khi qui mô tích lũy T  
càng tăng thì...

... ngay cả những người có  
kinh nghiệm cũng có thể  
thất nghiệp



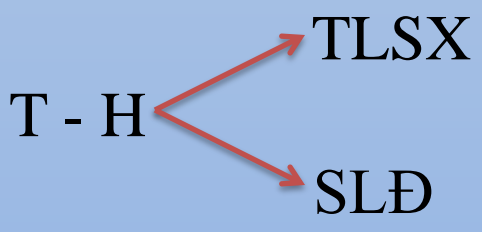

CHOMEURS  
REBELLEZ VOUS



Biểu tình của  
những người  
thất nghiệp

❑ Tuần hoàn và chu chuyển tư bản

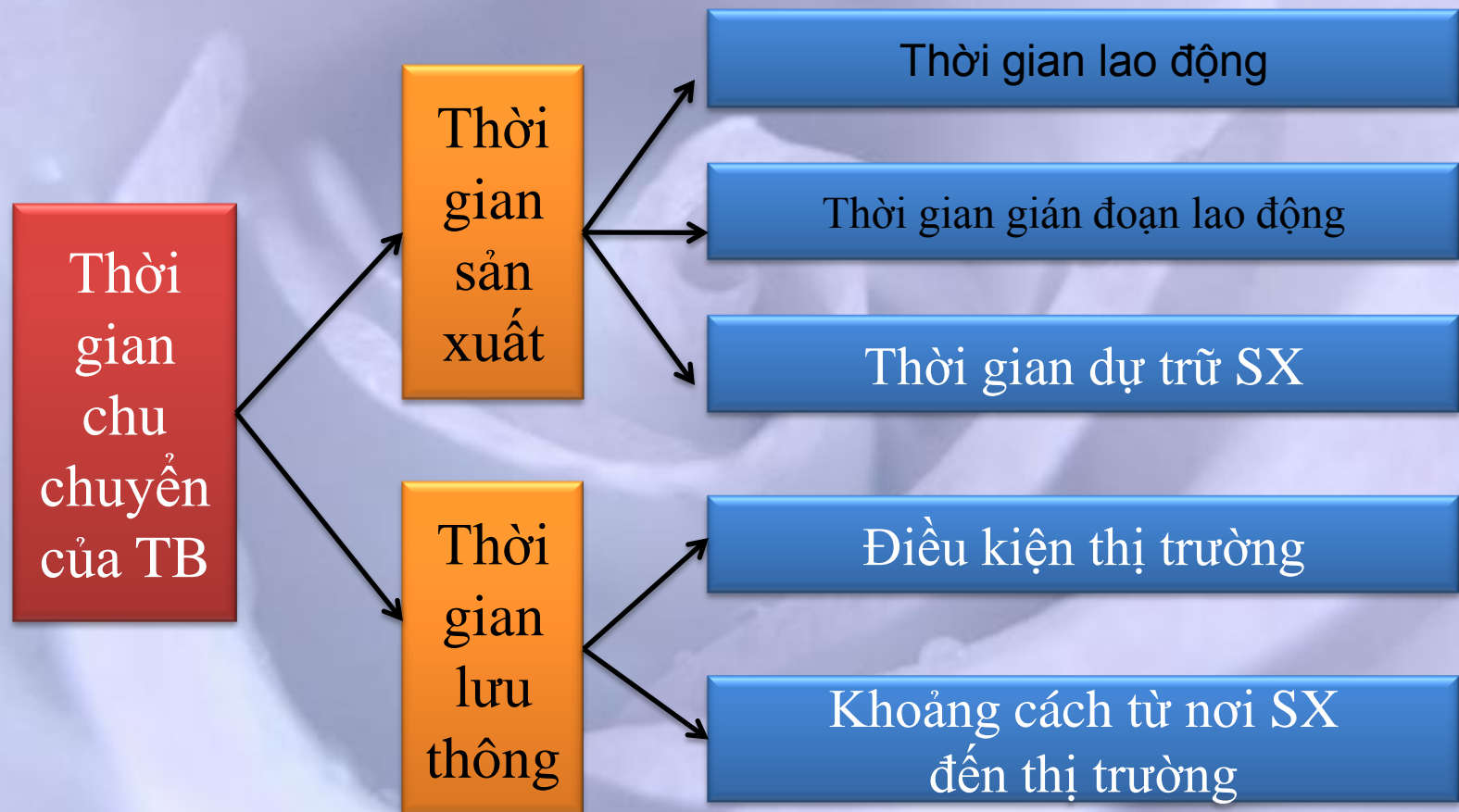
❖ Tuần hoàn tư bản

Giai đoạn I	Giai đoạn II	Giai đoạn III
 <p>T - H</p> <p>TLSX</p> <p>SLĐ</p>	<p>...SX....</p>	<p>H' - T'</p>
<p>CÔNG THỨC VẬN ĐỘNG CHUNG</p>  <p>T - H</p> <p>TLSX</p> <p>SLĐ</p> <p>...SX.... H' - T'</p>		



## ❖ Chu chuyển tư bản

- ✓ Chỉ tốc độ vận động của tư bản nhanh hay chậm
- ✓ Thời gian 1 vòng tuần hoàn: từ khi tư bản ứng ra đến khi thu về kèm theo m



- ❖ Ảnh hưởng của chu chuyển tư bản đến M hàng năm
- ✓ Tốc độ chu chuyển của tổng T ứng trước được tính bằng tốc độ trung bình của:
  - Tư bản cố định
  - Tư bản lưu động
- ✓ Tăng tốc độ chu chuyển → tăng hiệu suất SX + m
- ✓ Giúp nhà tư bản tránh thiệt hại do hao mòn vô hình, tăng sử dụng khấu hao, mở rộng SX
- ✓ Cơ cấu của T (tỉ lệ giữa T cố định và T lưu động):
  - Tỉ lệ T cố định càng nhỏ
  - Tỉ lệ T lưu động càng lớn

} Vận động của T càng nhanh

## ❑ Tư bản cố định và tư bản lưu động

### ❖ Tư bản cố định:

- ✓ Bộ phận tư bản SX tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng,...
- ✓ Tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất
- ✓ Giá trị không chuyển hết 1 lần
- ✓ Mức độ hao mòn trong thời gian sản xuất
- ✓ Hai loại hao mòn:
  - Hao mòn hữu hình do sử dụng, tác động của tự nhiên
  - Hao mòn vô hình: thuần túy về mặt giá trị, lỗi thời lạc hậu

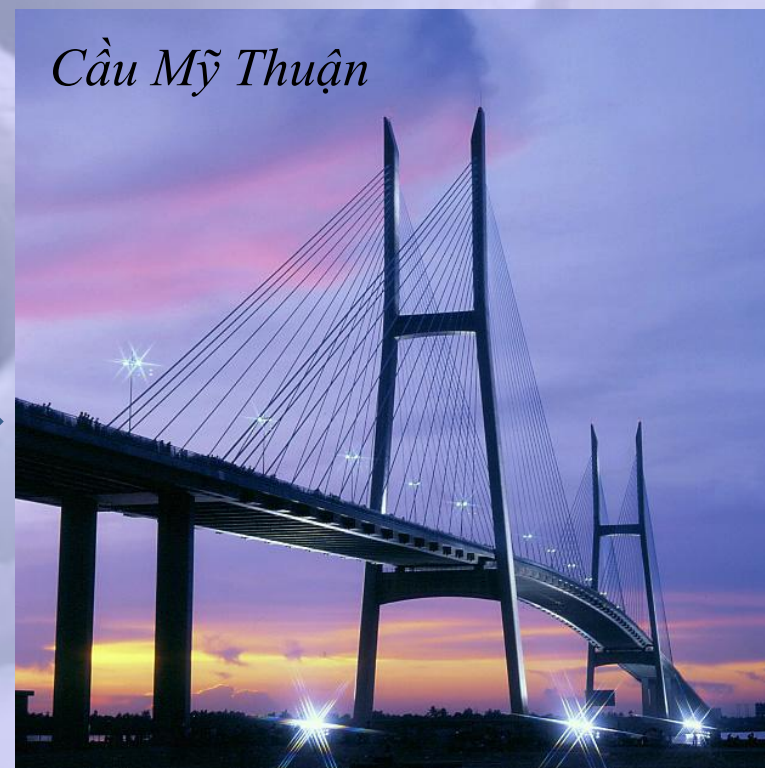
Khung  
xe máy  
Simson



Xe máy  
Honda  
Titan



- ❖ Tư bản lưu động:
- ✓ Tồn tại dưới dạng nguyên, nhiên, phụ liệu
- ✓ Giá trị SLĐ
- ✓ Hoàn lại toàn bộ sau khi bán xong H





# CÁC HÌNH THÁI BIỂU HIỆN CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Chi phí sản xuất TBCN. Lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất
3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

# CHI PHÍ SẢN XUẤT TBCN. LỢI NHUẬN VÀ TỈ SUẤT LỢI NHUẬN

## ❑ Chi phí sản xuất TBCN

- ❖ Chi phí lao động: lao động quá khứ (c) và lao động sống (v) → giá trị mới  $v + m$
- ❖ Chi phí lao động tạo ra giá trị hàng hóa (W):

$$W = c + v + m$$

- ❖ Chi phí SX TBCN (k) là chi phí về T → SX ra H

$$k = c + v$$

- ❖ Khi xuất hiện k thì  $W = c + v + m = k + m$

## ❑ Lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận

### ❖ Lợi nhuận (p)

- ✓ Giống nhau giữa p và m: chung nguồn gốc là kết quả lao động không công
- ✓ Khác nhau:
  - m phản ánh đúng nguồn gốc và bản chất
  - p là hình thái thần bí hóa của m; phản ánh sai lệch bản chất QHSX TBCN. Nguyên nhân:
    - Sự hình thành chi phí SX TBCN
    - p được quan niệm là con đẻ của T ứng trước (K)
    - Do chi phí SX T < chi phí SX thực tế

## ❖ Tỷ suất lợi nhuận ( $p'$ )

- ✓ Tỷ số tính theo % giữa  $m$  và  $T$  ứng trước:  $p' = m/(c+v) \times 100\%$
- ✓  $m'$  và  $p'$  khác nhau cả về chất lẫn lượng
- ✓ Về chất,  $m'$  phản ánh trình độ bóc lột,  $p'$  nói lên doanh lợi của đầu tư  $T$
- ✓ Về lượng,  $p' < m'$  vì:  $p' = m/(c+v) \times 100\%$

Còn  $m' = m/v \times 100\%$

## ❖ 4 nhân tố ảnh hưởng đến $p'$

- ✓  $m'$  càng cao thì  $p'$  càng lớn và ngược lại
- ✓ Cấu tạo hữu cơ:  $m'$  không đổi, nếu cấu tạo hữu cơ  $T$  càng cao thì  $p'$  càng giảm và ngược lại
- ✓ Tốc độ chu chuyển càng lớn, tần suất  $m$  trong năm của  $T$  ứng trước càng nhiều lần  $\rightarrow m$  tăng  $\rightarrow p'$  tăng
- ✓ Tiết kiệm ( $c$ ) càng nhỏ  $\rightarrow p'$  càng lớn (nếu  $m$  và  $v$  không đổi)



# LỢI NHUẬN BÌNH QUÂN VÀ GIÁ CẢ SẢN XUẤT

- ❑ Cạnh tranh trong nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường
- ❖ Cạnh tranh trong cùng một ngành
- ❖ Sản xuất một loại hàng hóa → thu (p) siêu ngạch
- ❖ Biện pháp cạnh tranh: cải tiến kỹ thuật; nâng cao năng suất; giá trị cá biệt < giá trị XH
- ❖ Giá trị thị trường = giá trị trung bình của H trong 1 khu vực



❑ Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành lợi nhuận bình quân

❖ Tìm mục đích đầu tư có lợi hơn

❖ Phương pháp cạnh tranh: tự do di chuyển T từ nơi này sang nơi khác (phân phối c và v vào các ngành khác nhau)

❖ Kết quả: hình thành lợi nhuận bình quân ( $\overline{p'}$ )

❖ Công thức tính  $\overline{p'}$ : 
$$\overline{p'} = \frac{\sum m}{\sum (c+v)} \times 100\%$$

❖ Ví dụ:

Ngành SX	Chi phí SX	m' (%)	Khối lượng (m)	p' (%)
Cơ khí	80c + 20v	100	20	20
Dệt	70c + 30v	100	30	30
Da	60c + 40v	100	40	40

➔  $\overline{p'}$  là p bằng nhau của những T bằng nhau đầu tư vào những ngành khác nhau ➔ CT tính lợi nhuận bình quân ( $\overline{p}$ ):  $\overline{p} = \overline{p'} \times k$

❑ Sự chuyển hóa của giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất

❖ Giá cả sản xuất =  $k + \bar{p}$

❖ Điều kiện để giá trị H chuyển thành giá cả:

- Nền đại công nghiệp TBCN
- Liên kết giữa các ngành
- Quan hệ tín dụng phát triển
- Tự do di chuyển

❖ Giá trị là nội dung bên trong của giá cả

❖ Giá cả thị trường xoay quanh giá cả SX

❖ Khi m chuyển thành  $\bar{p}$  thì giá trị H chuyển thành giá cả SX

❖ Quá trình hình thành  $\bar{p}$  và giá cả SX:

Ngành SX	c	v	m (m' =100%)	Giá trị H	$\bar{p}$	Giá cả SX của H	Chênh lệch giữa giá cả SX và giá trị
Cơ khí	80	20	20	120	30	130	+10
Dệt	70	30	30	130	30	130	0
Da	60	40	40	140	30	130	-10
Tổng số	210	90	90	390	90	390	0



# SỰ PHÂN CHIA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ GIỮA CÁC TẬP ĐOÀN TƯ BẢN

- ❑ Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp
- ❖ Bộ phận tư bản công nghiệp tách ra phục vụ lưu thông H của tư bản công nghiệp
- ❖ Công thức vận động  $T - H - T'$
- ❖ p thương nghiệp:
- ✓ Một phần m được sáng tạo trong SX
- ✓ Được tư bản công nghiệp nhượng lại cho tư bản thương nghiệp





## ❑ Tư bản cho vay và lợi tức cho vay

### ❖ Tư bản cho vay ( $z$ )

- ✓ Là tư bản tiền tệ tạm thời nhàn rỗi
- ✓ Tách rời quyền sở hữu với quyền sử dụng  $T$
- ✓ Nhận được số tiền lời nhất định
- ✓ Công thức vận động:  $T - T'$  (trong đó  $T' = T + z$ )

### ❖ Lợi tức ( $z$ ) và tỉ suất lợi tức ( $z'$ ):

- ✓  $z$  là một phần của  $\overline{p}$  tư bản đi vay trả cho  $z$
- ✓ Nguồn gốc của  $z$ :  $m$  do công nhân làm thuê tạo ra trong  $SX$
- ✓ Giới hạn của lợi tức:  $0 < z < \overline{p}$
- ✓  $z' = z / \text{Tổng } T \text{ cho vay} \times 100\%$

- ❖ Tín dụng TBCN; ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng
- ✓ Tín dụng TBCN
  - Hình thức vận động của T cho vay
  - 2 hình thức tín dụng: thương nghiệp và ngân hàng



- ✓ Tín dụng ngân hàng
  - Quan hệ vay mượn do ngân hàng làm trung gian giữa người đi vay và người cho vay
  - Đối tượng của tín dụng ngân hàng gắn với tư bản tiền tệ
- ✓ Ngân hàng
  - Chủ tư bản kinh doanh tiền tệ môi giới giữa người vay và cho vay
  - Nguyên tắc:  $z$  cho vay  $>$   $z$  nhận gửi
- ✓ Lợi nhuận ngân hàng
  - Là phần chênh lệch giữa  $z$  cho vay và  $z$  nhận gửi đã trừ chi phí
  - $= p$  bình quân

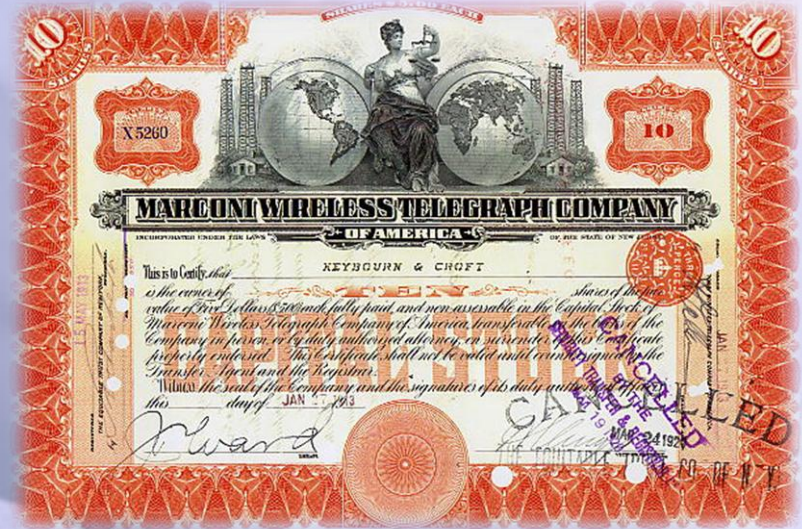
❑ Công ty cổ phần. Tư bản giả và thị trường chứng khoán

❖ Công ty cổ phần

✓ Loại hình xí nghiệp lớn → vốn hình thành từ đóng góp của nhiều người → thông qua phát hành cổ phiếu

✓ Cổ phiếu là một thứ chứng khoán có giá do công ty cổ phần phát hành

✓ Cổ phiếu ghi nhận quyền sở hữu của người mua (cổ đông)



*Cổ phiếu của công ty Vô tuyến điện tín Marconi Hoa Kỳ*



## ❖ Tư bản giả và thị trường chứng khoán

### ✓ Tư bản giả

- Tồn tại dưới hình thức các chứng khoán có giá
- Mang lại thu nhập cho người sở hữu
- 2 loại chứng khoán phổ biến: cổ phiếu của công ty cổ phần và trái phiếu
- Trái phiếu có 2 loại: trái phiếu công ty và trái phiếu chính phủ
- Người mua trái phiếu không phải là cổ đông

### ✓ Thị trường chứng khoán

- Nơi mua bán các chứng khoán
- 2 loại thị trường chứng khoán: sơ cấp; thứ cấp





Trái phiếu chính phủ Mỹ



Trái phiếu công ty Seikoso Nhật Bản



## ❑ QHSX TBCN trong nông nghiệp và địa tô TBCN

### ❖ Sự hình thành QHSX TBCN trong nông nghiệp

#### ✓ Hình thành theo 2 con đường:

- Chuyển nền nông nghiệp phong kiến → TBCN
- Thông qua CM dân chủ tư sản, xóa bỏ chế độ ruộng đất phong kiến
- ✓ Điểm nổi bật: tồn tại 3 giai cấp chủ yếu
  - Địa chủ sở hữu đất
  - Nhà tư bản thuê đất của địa chủ
  - Công nhân nông nghiệp làm thuê



## ❖ Bản chất của địa tô TBCN

- ✓ Phần m còn lại đã khấu trừ  $\overline{p}$  mà nhà tư bản nộp cho địa chủ
- ✓ Thực chất địa tô tư bản: chuyển hóa m siêu ngạch sang p siêu ngạch
- ❖ Các hình thức địa tô tư bản
  - ✓ Địa tô chênh lệch: phần địa tô thu được trên ruộng đất có lợi thế về điều kiện SX
    - Công thức: địa tô chênh lệch = giá cả SX chung – giá cả SX cá biệt
    - Có 2 loại địa tô chênh lệch: I và II
      - Địa tô chênh lệch I thu được trên ruộng đất màu mỡ, gần thị trường, giao thông
      - Địa tô chênh lệch II thu được do thâm canh và tăng độ màu mỡ

- ✓ Địa tô tuyệt đối
- p siêu ngạch đôi ra ngoài  $\overline{p}$
  - Hình thành do cấu tạo hữu cơ tư bản nông nghiệp < công nghiệp
- Điểm giống với địa tô chênh lệch:
- Đều là p siêu ngạch
  - Có nguồn gốc từ m
  - Kết quả của sự chiếm m của công nhân nông nghiệp
- Điểm khác

### ĐỊA TÔ CHÊNH LỆCH

- Hình thành do độc quyền kinh doanh ruộng đất
- Xóa chế độ độc quyền kinh doanh → xóa địa tô chênh lệch

### ĐỊA TÔ TUYỆT ĐỐI

- Hình thành do độc quyền sở hữu ruộng đất
- Xóa chế độ tư hữu về ruộng đất → xóa địa tô tuyệt đối



# CÂU HỎI ÔN TẬP

- ❖ Trình bày hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch? Ý nghĩa của vấn đề này trong việc luận giải trình độ bóc lột công nhân làm thuê?
- ❖ Phân tích quá trình tuần hoàn và chu chuyển tư bản? Ý nghĩa của vấn đề này trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay?
- ❖ Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận, tỉ suất lợi nhuận là gì? Những khái niệm này che dấu quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa như thế nào?
- ❖ Phân biệt địa tô chênh lệch I, địa tô chênh lệch II, địa tô tuyệt đối? Vận dụng lý luận địa tô trong thu thuế sử dụng đất ở Việt Nam hiện nay?